TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 04 tháng 01 năm 2018
V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về "*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã Ia B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn P; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã Ia B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P có đăng ký kết hôn vào ngày 22-7-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ia B, huyện G, tỉnh Gia Lai, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh P hay dùng những lời nói xúc phạm chị T, không quan tâm, lo lắng gì cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P có 02 con chung là cháu Võ Thuận M, sinh ngày 07-6-2015 và cháu Võ Lê Bảo N, sinh ngày 17-11-2016. Khi ly thân, anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn chị T nuôi dưỡng cháu N. Chị Thật yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và giao cháu M cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong Bản tự khai ngày 23-8- 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Võ Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh Võ Văn P và chị Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tuy nhiên mâu thuẫn không lớn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Anh P không đồng ý ly hôn vì lý do trước đây anh P có sai lầm trong cuộc sống, anh đã nhận ra lỗi của mình và vẫn còn tình cảm với chị T, đồng thời các con đều còn nhỏ nên anh muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Anh Võ Văn P và chị Lê Thị T có 02 con chung là cháu Võ Thuận M, sinh ngày 07-6-2015 và cháu Võ Lê Bảo N, sinh ngày 17-11-2016. Khi ly thân, anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn chị T nuôi dưỡng cháu N. Nếu ly hôn, anh P yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con, anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Võ Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện; Sổ hộ khẩu Nguyễn Thị Q; Chứng minh nhân dân Lê Thị T; Giấy khai sinh của cháu Võ Lê Bảo N và cháu Võ Thuận M; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của chị Lê Thị T và anh Võ Văn P; Biên bản lấy lời khai của đương sự; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản hòa giải.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P có đăng ký kết hôn vào ngày 22-7-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ia B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống, chị T và anh P không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh P hay dùng những lời nói xúc phạm chị T, không quan tâm, lo lắng gì cho gia đình, vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn nhưng bản thân anh P không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy anh P không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P đều công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Thuận M, sinh ngày 07-6-2015 và cháu Võ Lê Bảo N, sinh ngày 17-11-2016. Khi ly thân, anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn chị T nuôi dưỡng cháu N. Chị T có hiện làm nông có thu nhập ổn định và cháu N hiện nay là trẻ em dưới 36 tháng tuổi, cháu cần được sự chăm sóc đặc biệt từ mẹ. Hơn nữa hiện cháu N cũng đang sống ổn định cùng chị T, anh P có nguyện vọng được nuôi cả 02 con nhưng không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để được nuôi con nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, không chấp nhận yêu cầu nuôi cả 02 con của anh P và chấp nhận giao cháu M cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã giải thích cho chị T và anh P biết về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T và anh P đều vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn P.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Lê Thị T và anh Võ Văn P là cháu là Võ Lê Bảo N, sinh ngày 17-11-2016 cho chị Lê Thị Th và giao cháu Võ Thuận M, sinh ngày 07-6-2015 cho anh Võ Văn P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Lê Thị T và anh Võ Văn P đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000329 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Ia B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính